

Yên Phong, ngày 13 tháng 4 năm 2018.

Số: 04/2018/QĐST-KDTM.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 211 và Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các Điều 342, 343, 347, 350, 355, 715, 716, 721 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng;

Nghị định số: 08/2000/NĐ-CP, ngày 10/3/2000 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số: 01/1997/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 14/2017/TLST-KDTM, ngày 13/11/2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 18, Trần Hữu Dực, Mỹ Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh, Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Trịnh Thị L, Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Y.

Bị đơn: Công ty TNHH V.

Địa chỉ: Khu D, phường Ph, thành phố B, tỉnh B.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Th, Giám đốc Công ty.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1969.

Bà Ngô Thị Ph, sinh năm 1970 (bà Phương uỷ quyền cho ông Th).

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976.
Anh Phạm Văn V, sinh năm 1974.
Ông Phạm Văn H, sinh năm 1952.
Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1953.
(Anh V, ông H, bà B đều ủy quyền cho chị H).
Cùng địa chỉ: Khu D, phường Ph, thành phố B, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau :

Công ty TNHH V do ông Phạm Văn Th đại diện phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số nợ gốc là 5.157.000.000đ và lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt là 2.869.489.789đ. Tổng cộng cả gốc lẫn lãi là 8.026.489.789đ (tám tỉ không trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng).

Khi Công ty TNHH V hết nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thì Ngân hàng phải trả cho ông Phạm Văn Th, bà Ngô Thị Ph Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG895678 do UBND huyện Y đã cấp ngày 23/3/2007 là thửa số 244, tờ bản đồ 26, diện tích 300m² tại khu D, phường Ph, thành phố B; trả cho chị Nguyễn Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG895680 do UBND huyện Y đã cấp ngày 23/3/2007 là thửa số 242, tờ bản đồ 26, diện tích 328m² tại khu D, phường Ph, thành phố B; trả cho anh Phạm Văn V Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG895684 do UBND huyện Y đã cấp ngày 23/3/2007 là thửa số 248, tờ bản đồ 26, diện tích 300m² tại khu D, phường Ph, thành phố B và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE625008 do UBND huyện Y đã cấp ngày 25/5/2006 là thửa số 18a, tờ bản đồ 24, diện tích 340m² tại khu D, phường Ph, thành phố B.

Trường hợp Công ty TNHH V không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, bán tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng đất thửa số 244, tờ bản đồ 26, diện tích 300m² tại khu D, phường Ph, thành phố B để đảm bảo trả số nợ gốc 1.575.000.000đ và lãi kèm theo; Quyền sử dụng đất thửa số 242, tờ bản đồ 26, diện tích 328m² tại khu D, phường Ph, thành phố B để đảm bảo trả số nợ gốc 1.722.000.000đ và lãi kèm theo; Quyền sử dụng đất thửa số 248, tờ bản đồ 26, diện tích 300m² tại khu D, phường Ph, thành phố B để đảm bảo trả số nợ gốc 1.575.000.000đ và lãi kèm theo; Quyền sử dụng đất thửa số 18a, tờ bản đồ 24, diện tích 340m² tại khu D, phường Ph, thành phố B để đảm bảo trả số nợ gốc 1.785.000.000đ và lãi kèm theo; toàn bộ dây chuyền sản xuất giấy công suất 4000-4500 tấn/năm của Công ty TNHH V để đảm bảo trả nợ số nợ gốc 2 tỷ đồng và lãi kèm theo để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Công ty TNHH V do ông Phạm Văn Th đại diện phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền thực tế đã vay cùng với khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký, kể từ ngày 06/4/2018 đối với số tiền chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà

nước quy định tương ứng với số tiền chưa thi hành án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Công ty TNHH V do ông Phạm Văn Th đại diện tự nguyện chịu cả 58.013.000đ án phí sơ thẩm. Xác nhận Ngân hàng nông nghiệp đã nộp 58.604.000đ tại biên lai số 03595, ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Y. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 58.604.000đ.

4. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng Nông nghiệp và Công ty TNHH Việt Th mỗi bên đương sự phải chịu 5.500.000đ tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ (xác nhận Ngân hàng đã nộp 11.000.000đ. Công ty TNHH Việt Th do ông Th đại diện phải trả cho Ngân hàng 5.500.000đ).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- VKSND h. Yên Phong.
- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- THADS h. Yên Phong.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

Trần Ngọc Anh